

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 05/TTr-STNMT ngày 08/01/2026 và kết quả biểu quyết của các thành viên UBND thành phố bằng Phiếu lấy ý kiến tại phần mềm lấy ý kiến thành viên UBND thành phố và tại Công văn số 469/VP-KT ngày 19/01/2026 của Văn phòng UBND thành phố;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND thành phố Đà Nẵng đối với các trường hợp phải nộp tiền sử dụng khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trong giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Đối tượng áp dụng

a) UBND thành phố Đà Nẵng;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng;



c) Thuế thành phố Đà Nẵng;

d) Các tổ chức, cá nhân được UBND thành phố Đà Nẵng giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong vùng biển 6 hải lý

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong vùng biển 6 hải lý

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m³.

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm.

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 4.000.000 đồng/ha/năm.

e) Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với những hoạt động chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều này, UBND thành phố quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong vùng biển từ 6 hải lý đến ranh giới quản lý hành chính trên biển của thành phố

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển trong vùng biển từ 6 hải lý đến ranh giới quản lý hành chính trên biển của thành phố

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 18.000 đồng/m³.

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.300.000 đồng/ha/năm.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.000.000 đồng/ha/năm.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, cáp điện: 7.000.000 đồng/ha/năm.

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 4.000.000 đồng/ha/năm.

e) Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.000.000 đồng/ha/năm.

2. Đối với những hoạt động chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều này, UBND thành phố quyết định trong từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và đề nghị của tổ chức, cá nhân xin giao khu vực biển, các cơ quan chức năng tham mưu UBND thành phố xem xét, ban hành quyết định giao khu vực biển, trong đó nêu cụ thể số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp và hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

2. Căn cứ quyết định giao khu vực biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan Thuế có trách nhiệm ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển gửi các tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển áp dụng theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển được quy định tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tiếp tục áp dụng mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam đến hết ngày 30/11/2026 (ngày hết hiệu lực).

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày **09** tháng **02** năm **2026** đến hết ngày **31** tháng **12** năm **2030**.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ) Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) về việc Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025.



3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIII;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo thành phố;
- Báo và Đài Phát thanh truyền hình Đà Nẵng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT. 15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

~~CHỦ TỊCH~~
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Hồ Kỳ Minh